

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Văn bản số 4156/SKHĐT-TĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc trình ký quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 là 71.978,652 tỷ đồng, bao gồm:

1. Vốn ngân sách địa phương là 60.694,152 tỷ đồng, gồm:
 - a) Nguồn vốn ngân sách địa phương được giao là 33.504,5 tỷ đồng, gồm:
 - Nguồn vốn ngân sách tập trung là 18.299,1 tỷ đồng
 - Nguồn thu tiền sử dụng đất là 7.500 tỷ đồng.
 - Nguồn xổ số kiến thiết là 7.700 tỷ đồng.
 - Bội chi ngân sách địa phương là 5,4 tỷ đồng.
 - b) Nguồn vốn bổ sung trong giai đoạn 2021-2025 là 27.189,652 tỷ đồng, gồm:
 - Nguồn khai thác đấu giá đất là 27.000 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn kết dư giai đoạn 2016-2020 là 189,652 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách trung ương là 11.284,5 tỷ đồng, gồm:
 - a) Vốn trong nước là 9.251,9 tỷ đồng, trong đó:

- Phân bổ chi tiết là 7.005,9 tỷ đồng.
- Dự phòng chưa phân bổ là 2.246 tỷ đồng.
- b) Vốn nước ngoài là 2.032,6 tỷ đồng.

Điều 2. Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Vốn ngân sách địa phương là 60.694,152 tỷ đồng, gồm:
 - 1.1) Nguồn vốn ngân sách địa phương được giao là 33.504,5 tỷ đồng, gồm:
 - a) Nguồn vốn ngân sách tập trung là 18.299,1 tỷ đồng, gồm:
 - UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch (kể cả vốn hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện) là 10.430,487 tỷ đồng.
 - Dự phòng 5% chưa phân bổ là 548,973 tỷ đồng.
 - Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện là 7.319,64 tỷ đồng.
 - b) Nguồn thu tiền sử dụng đất là 7.500 tỷ đồng.
 - Quỹ phát triển đất là 750 tỷ đồng.
 - Quỹ phát triển nhà là 2.250 tỷ đồng.
 - Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện là 4.500 tỷ đồng.
 - c) Nguồn xổ số kiến thiết là 7.700 tỷ đồng, gồm:
 - + UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch (kể cả vốn hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện) là 4.389 tỷ đồng.
 - + Dự phòng 5% chưa phân bổ là 231 tỷ đồng.
 - + Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện là 3.080 tỷ đồng.
 - d) Bội chi ngân sách địa phương là 5,4 tỷ đồng.
 - đ) Dự phòng mức vốn trung hạn đối với nguồn vốn phân cấp cho cấp huyện giao chỉ tiêu kế hoạch giai đoạn 2021-2025 do Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định theo thẩm quyền được quy định tại khoản 6 Điều 51 của Luật Đầu tư công.
 - 1.2) Nguồn vốn bổ sung trong giai đoạn 2021-2025 là 27.189,652 tỷ đồng, gồm:
 - Nguồn khai thác đấu giá đất là 27.000 tỷ đồng.
 - Nguồn vốn kết dư giai đoạn 2016-2020 là 189,652 tỷ đồng.
2. Vốn ngân sách trung ương là 11.284,5 tỷ đồng, gồm:
 - a) Vốn trong nước là 9.251,9 tỷ đồng, trong đó:
 - Phân bổ chi tiết là 7.005,9 tỷ đồng.
 - Dự phòng chưa phân bổ là 2.246 tỷ đồng.
 - b) Vốn nước ngoài là 2.032,6 tỷ đồng.

(Chi tiết tại các phụ lục đính kèm)

Điều 3. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Thời gian thực hiện và giải ngân vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo các chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư và xây dựng nguồn vốn nói trên đến chủ đầu tư để triển khai thực hiện và triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đối với nguồn vốn phân cấp đối với cấp huyện giai đoạn 2021-2025.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ KHĐT; Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Tấn Đức



Phụ lục I

Bảng tổng hợp Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4
	TỔNG SỐ	71.978.652	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	33.694.152	
1	Vốn ngân sách tập trung	18.320.400	
1.1	Ngân sách tỉnh	10.999.668	
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	10.430.487	
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	548.973	
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020	20.208	
1.2	Vốn ngân sách huyện	7.320.732	
a	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	7.319.640	
b	Nguồn vốn kết dư ngân sách tỉnh hỗ trợ các dự án xã hội hóa các năm trước	1.092	
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	7.500.000	
a	Quỹ phát triển nhà	750.000	
b	Quỹ phát triển đất	2.250.000	
c	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	4.500.000	
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	7.868.352	
a	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	4.389.000	
b	Dự phòng chưa phân bổ 5%	231.000	
c	Nguồn kết dư giai đoạn 2016-2020	168.352	
d	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	3.080.000	
4	Bội chi ngân sách địa phương	5.400	
B	NGUỒN KHAI THÁC ĐẦU GIÁ ĐẤT	27.000.000	

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch 2021-2025	Ghi chú
1	2	3	4
C	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	11.284.500	
I	Vốn trong nước	9.251.900	
	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực		
	Trong đó:		
1	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	4.660.000	
2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	2.000.000	
<i>a</i>	<i>Phân bổ chi tiết</i>	<i>3.000</i>	
<i>b</i>	<i>Dự phòng chưa phân bổ</i>	<i>1.997.000</i>	
3	Hỗ trợ có mục tiêu	2.591.900	
<i>a</i>	<i>Phân bổ chi tiết</i>	<i>2.342.900</i>	
<i>b</i>	<i>Dự phòng chưa phân bổ</i>	<i>249.000</i>	
II	Vốn nước ngoài	2.032.600	



Phụ lục II

BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN ĐẦU GIẢ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016- 2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Tổng số									
A	Thực hiện dự án				4.338.629	10.430.487	27.000.000	20.208	
I	Giao thông				4.268.468	8.243.937	21.848.200	20.208	
I.1	Dự án chuyển tiếp				2.002.598	3.067.332	21.065.200	20.208	
					1.984.265	758.812	1.628.200	20.208	
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL1A từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Giào; ngân sách tỉnh 70% TMĐT)	TB	2018-2021	106.500	61.644	12.900			UBND huyện Trảng Bom
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	214.700	161.465	40.000			UBND huyện Thống Nhất
3	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK	2018-2022	136.700	77.748	10.000			UBND thành phố Long Khánh
4	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT769), kể cả Bồi thường giải phóng mặt bằng do huyện Thống Nhất thực hiện)	TN	2017-2021	160.152	120.141	5.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Tuyến hầm hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2021	314.732	122.973	35.000			UBND huyện Long Thành
6	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2019-2021	131.234	108.400	12.000			UBND thành phố Long Khánh
7	Dự án Kè sông Vàm Muông - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	35.136	18.345	15.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án cải tạo đường Hùng vương – thành phố long khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	2020-2024	156.854	22.470	55.000			UBND thành phố Long Khánh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016- 2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
9	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán (kể cả chi phí BTGPMB do UBND huyện Định Quán làm Chủ đầu tư)	ĐQ	2020-2024	138.034	87.500	30.294	0	-	-
	trong đó								
a	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					30.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện					294			UBND huyện Định Quán
10	Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình	CM	tối đa 3 năm	92.880	25.500	47.092		20.208	UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh Hồ cầu Dầu, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm	38.568	15000	15.000			UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thị xã Long Khánh (NST hỗ trợ 100% chi phí xây lắp)	LK	tối đa 3 năm	29.600	10.000	10.500			UBND thành phố Long Khánh
13	Dự án đường Hùng Vương nói dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	91.564	25.000	65.000			UBND huyện Tân Phú
14	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	TP	2019-2023	128.700	68.000	59.700			UBND huyện Tân Phú
15	Đường đê bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú	TP	2020-2022	26.092	9.500	16.500			UBND huyện Tân Phú
16	Dự án Mở rộng đường từ Quốc lộ 20 vào Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT)	TN	tối đa 3 năm	11.500	3.000	1.000			UBND huyện Thống Nhất
17	Dự án Tuyến đường Bình Lộc – Tân Nghĩa, thị xã Long Khánh (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	LK	2020-2022	79.668	18.500	10.000			UBND thành phố Long Khánh
18	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL- ĐQ	2019-2023	599.946	250.076	13.803	122.000	-	-
	Trong đó								-

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016- 2020	
1	2	3	4	5	6				10
a	Nâng cấp đường DT 763 từ Km 0+000 đến Km 8+300 và Km15+000 đến Km 24+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện			599.946	250.076		42.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện				-		60.000		UBND huyện Xuân Lộc
c	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện				-	8.803			UBND huyện Định Quán
d	Nâng cấp đường DT 763 đoạn còn lại (gồm các đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến),do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					5.000	20.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
19	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	tối đa 5 năm	783.000	46.968	0	615.000		-
	Trong đó								-
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				45.968		135.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện				1.000		480.000		UBND thành phố Biên Hòa
20	Xây dựng cầu Vàm Cài Sút trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	tối đa 5 năm	388.000	106.441	0	126.500		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Cải tạo nâng cấp đường DT,768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường DT,767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	tối đa 5 năm	671.200	355.353	48.223	164.700		-
	Trong đó								-
a	Cải tạo nâng cấp đường DT,768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường DT,767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				96.653		105.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện				258.700	48.223	59.700		UBND huyện Vĩnh Cửu

S T T	Danh mục dự án	ĐĐ XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016- 2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
22	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	77.971	1.000	50.000			UBND huyện Vĩnh Cửu
23	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	79.788	1.000	52.000			UBND huyện Vĩnh Cửu
24	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	1.289.160	120.000	100.000	600.000		UBND thành phố Biên Hòa
25	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021-2023	53058	500	50.000			UBND thành phố Long Khánh
26	Nâng cấp mở rộng đường 765 đoạn từ Km5+500 đến Km10+000	XL	2017-2021	120.791	105.262	2.800			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
27	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp)	BH	2018-2022	122.057	42.479	2.000			UBND thành phố Biên Hòa
I.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025				18.333	2.308.520	19.437.000		
1	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	3.247.000	500	200.000	3.000.000		UBND thành phố Biên Hòa
2	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 5 năm	1.146.000	500		1.100.000		UBND thành phố Biên Hòa
3	Dự án xây dựng kết sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm	614.100	2.500		210.000		UBND thành phố Biên Hòa
4	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	110.330		105.000			UBND huyện Trảng Bom
5	Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toàn, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 6 năm	713.000	1.400	3.000	510.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)	BH	tối đa 6 năm	1.985.000	1500	500.000	600.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ, thành phố Long Khánh		2021-2023	30.100	300	27.000			UBND thành phố Long Khánh
8	Dự án Đường một chiều từ chân lên đình đổi núi Cui (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 3 năm	12.000	370	5.500			UBND huyện Thống Nhất
9	Dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763 (ngân sách tỉnh 50%) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	DQ	tối đa 5 năm	103.241	500	48.000			UBND huyện Định Quán
10	Dự án Đường ven Sông Đồng Nai, huyện Định Quán (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% xây lắp)	DQ	Tối đa 3 năm	36.300	200	22.500			UBND huyện Định Quán
11	Dự án nâng cấp đường Quốc lộ 1 - Xuân Lập, thị xã Long Khánh (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư) (NST 100% chi phí xây dựng)	LK	tối đa 3 năm	77.600		35.000			UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1)	BH	tối đa 5 năm	651.813	2.000	1.500	532.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
13	Dự án Mở rộng đường Lý Thái Tổ, huyện Định Quán (ngân sách tỉnh 50%)	DQ	tối đa 5 năm	124.000		62.000			UBND huyện Định Quán
14	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000-Km2+000	TN	tối đa 3 năm	59200		50.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
15	Dự án đường Lê Hồng Phong (đoạn từ đường 30/4 đến đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa), thị trấn Trảng Bom (ngân sách tỉnh 50%)	TB	tối đa 3 năm	68.022		33.800			UBND huyện Trảng Bom
16	Đường Vành đai thị trấn Định Quán, huyện Định quán	DQ	tối đa 4 năm	239.000	800	120.000	100.000		UBND huyện Định Quán
17	Nâng cấp mở rộng Đường Hương lộ 15, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 4 năm	130.000		71.300			UBND huyện Vĩnh Cửu
18	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 4 năm	93.830		85.000			Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
19	Dự án nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Tri Phương, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa (ngân sách tỉnh 100% xây lắp, khoảng 39 tỷ), chưa triển khai do UBND thành phố Biên Hòa chưa thực hiện bồi thường	BH	Tối đa 4 năm	88.609		38.800			UBND thành phố Biên Hòa
20	Dự án Đường tránh ngã tư Dầu Giây nối tỉnh lộ 769 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TN	tối đa 5 năm	99.247	700	88.000			UBND huyện Thống Nhất
21	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhom Trạch (trước đây là Đường 25C huyện Nhom Trạch, đoạn còn lại), huyện đã đầu tư đường số 9 đến đường số 2	NT	tối đa 5 năm	646.000	500	50.000	350.000		UBND huyện Nhom Trạch
22	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	120938	800	1.480	114.000		UBND huyện Tân Phú
23	Đường Thừa Đức đi thị xã Long Khánh	CM	tối đa 5 năm	145.437	980	143.400			UBND huyện Cẩm Mỹ
24	Đường Nguyễn Văn Cừ, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	tối đa 4 năm	130.000		440	120.000		UBND huyện Tân Phú
25	Đường Song hành Quốc lộ 20, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km0+195 đến Km1+795), huyện Thống Nhất (NST100%)	TN	Tối đa 4 năm	199.000		1.000	180.000		UBND huyện Thống Nhất
26	Đường Song hành Quốc lộ 1A, đoạn qua thị trấn Dầu Giây (đoạn từ Km1820+830 đến Km1832+400), huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 4 năm	183.000		1.000	160.000		UBND huyện Thống Nhất
27	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bến xe Long Khánh và điểm công viên tương đối), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	212.400		82.000			UBND thành phố Long Khánh
28	Đường Xuân Đường - Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	169.230		1.000	160.000		UBND huyện Cẩm Mỹ

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
29	Đường dọc Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 4 năm	189.220		1.000	180.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
30	Đường ấp 4 xã Sông Nhạn đi xã lộ 25, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	59.160		55.000			UBND huyện Cẩm Mỹ
31	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngô Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	113.620		1.000	110.000		UBND thành phố Long Khánh
32	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	70.310		67.000			UBND thành phố Long Khánh
33	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhom Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhom Trạch (NST100%,)	NT	tối đa 4 năm	639.040		1.000	600.000		UBND huyện Nhom Trạch
34	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhom Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	157.767		140.000			UBND huyện Nhom Trạch
35	Đường Bùi Thị Xuân, huyện Long Thành (NST 100%)	LT	tối đa 4 năm	161.500		1.000	155.000		UBND huyện Long Thành
36	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhom Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhom Trạch (NST100%)	LT-NT	Tối đa 4 năm	1.493.500		2000	1.000.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
37	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kèo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhom Trạch	NT	tối đa 3 năm	48.740		42.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
38	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, NST 50%	XL	tối đa 4 năm	359.650	783	600	171.000		UBND huyện Xuân Lộc
39	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kèo, huyện Nhom Trạch	NT	tối đa 4 năm	816.335	2.000	2.000	750.000		UBND huyện Nhom Trạch
40	Dự án đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 4 năm	1.082.000		50.000	500.000		UBND thành phố Long Khánh
41	Đường Vành đai 2, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	1.858.000		1.000	1.650.000		UBND thành phố Long Khánh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
42	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%)	CM-LK	tối đa 4 năm	462.270		1.600	450.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
43	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh ĐT. 774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST100%)	TP-ĐQ	tối đa 4 năm	852.060		1.600	800.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
44	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100-Km18+100 và đoạn từ km33+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST100%)	XL-ĐQ-VC	tối đa 4 năm	935.910		2.500	850.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
45	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	875.780		1.600	780.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
46	Đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	tối đa 4 năm	654.490		1.000	620.000		UBND huyện Trảng Bom
47	Mở rộng đường Lê Duẩn (NST hỗ trợ 50% chi phí xây lắp)	LT	tối đa 4 năm	1.025.670		1.000	150.000		UBND huyện Long Thành
48	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 4 năm	310.000		1.000	280.000		UBND thành phố Biên Hòa
49	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	1.545.000		2.000	1.400.000		UBND thành phố Biên Hòa
50	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	174.500		900	85.000		UBND huyện Xuân Lộc
51	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	tối đa 4 năm	116.110		1.000	110.000		UBND huyện Xuân Lộc
52	Đường Xuân Thành Trảng Táo (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm	113.500		50.000			UBND huyện Xuân Lộc
53	Nâng cấp đường Bảo Hòa - Long Khánh (100% NST)	XL	tối đa 4 năm	266.740	2.000		100.000		UBND huyện Xuân Lộc
54	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 4 năm	145.840		1.000	140.000		UBND huyện Định Quán

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	10
55	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cẩm Đường (NST 100%)	L.T	tối đa 4 năm	620.860		1.000	580.000		UBND huyện Long Thành
56	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	160.090		600	150000		UBND huyện Trảng Bom
57	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hàm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm	213.050		1.400	190.000		UBND huyện Trảng Bom
58	Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch giai đoạn I (chưa bao gồm vốn NSTW)	NT	Tối đa 5 năm	2.961.000		100.000	500.000		UBND huyện Nhơn Trạch
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				107.362	202.135	0		-
II.1	Dự án chuyển tiếp				106.862	38.135	0		
1	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	BH	2018-2022	54.846	24.660	27.000			Sở Lao động, thương binh và xã hội
2	Trung tâm công tác xã hội tổng hợp Đồng Nai (vốn TW đã TB 15 tỷ)	BH	2019-2023	49.953	2.700				Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành (NST hỗ trợ xây lắp, không hỗ trợ thiết bị)	L.T	2020-2022	27.231	8.000	8.035			UBND huyện Long Thành
4	Dự án đầu tư xây mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch + sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch (NST hỗ trợ hỗ trợ khoảng 8,3 tỷ XD Nhà làm việc UBMTTQ và các đoàn thể)	NT	tối đa 3 năm	19360	2.500	2.100			UBND huyện Nhơn Trạch
5	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	BH	2017-2022	73.605	69.002	1.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
II.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025				500	164.000	-		

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án đầu tư xây dựng trung tâm tin học và thông tin khoa học công nghệ, Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng, quỹ đầu tư phát triển khoa học công nghệ, ban quản lý dự án thuộc Sở Khoa học và Công nghệ	BH	Tối đa 3 năm	47.625	500	45.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai (NST hỗ trợ 50% chi phí xây dựng khoảng 35 tỷ đồng, phần còn lại từ nguồn tài chính công đoàn tích lũy của Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai)	BH	tối đa 4 năm	105.500		35.000			Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai
3	Dự án xây dựng trụ sở Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện: Tân Phú, Định Quán, Vĩnh Cửu, Xuân Lộc (vốn NST hỗ trợ 44 tỷ đồng)	TP, ĐQ, VC, XL	Tối đa 4 năm	80.000		44.000			Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai
4	Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Tân Phú (ngân sách tỉnh hỗ trợ 20 tỷ theo tiến độ phê duyệt của Trung ương từ 2025-2027, phần còn lại từ ngân sách trung ương)	TP	Tối đa 3 năm	38.300		20.000			Tòa án nhân dân tỉnh
5	Xây dựng mới trụ sở làm việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu (ngân sách tỉnh hỗ trợ 20 tỷ theo tiến độ phê duyệt của Trung ương từ 2025-2027, phần còn lại từ ngân sách trung ương)	VC	Tối đa 3 năm	37.800		20.000			Tòa án nhân dân tỉnh
III	Công trình công cộng tại các đô thị					75.000	0		-
III.1	Dự án chuyển tiếp					75.000	0		
I	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2021	181.919	99.563	75.000			UBND huyện Vĩnh Cửu
IV	Cấp nước, thoát nước				871.888	1.117.150	150.000		
IV.1	Dự án chuyển tiếp				865.777	402.150	0		
1	Dự án tuyến thoát nước dải cây xanh (kể cả BTGPMB)	NT	2017-2021	310.753	197.461	10.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan	BH	Tối đa 4 năm	267.620	118.581	143.400	0		-
	Trong đó:								-
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư				6.581	45.400			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSIT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				112.000	98.000			UBND thành phố Biên Hòa
3	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2021	31.368	16.400	12.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022	584.830	183.773	135.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	6.610.252	290.381	14.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	DQ	2019-2021	39.953	9.832	21.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	26.981	23.500	750			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.991	10.000	4.000			UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	14.999	10.000	4.000			UBND huyện Cẩm Mỹ
10	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	DQ	tối đa 5 năm	65.062	5.849	58.000			UBND huyện Định Quán
IV.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025			871.593	6.111	715.000	150.000		
1	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhơn Trạch đến Hương lộ 19), huyện Nhơn Trạch (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	216.200		50.000	150.000		UBND huyện Nhơn Trạch
2	Hệ thống thoát nước áp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm	88.920		85.000			UBND huyện Trảng Bom
3	Dự án xây dựng một số hạng mục thuộc Tiểu dự án trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	10.000	200	9.500			UBND thành phố Biên Hòa
4	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Trảng Bom giai đoạn ưu tiên	TB	2020-2024	99.841	1.432	95.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020-2024	107.180	1.896	100.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
6	Hệ thống thoát nước khu vực Trung tâm xã Thạnh phú, huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	38.300		38.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm xử lý nước thải 2000 m3/ ngày đêm tại Trung tâm ứng dụng công nghệ sinh học Đồng Nai	CM	Tối đa 3 năm	32.700	233	32.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án tuyến thu gom về trạm xử lý nước thải số 1, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm	100.000	408	95.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Lâm San, Sông Ray, Xuân Đông, Xuân Tây huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	87026	1.942	80.000			Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tỉnh Đồng Nai
10	Dự án xây dựng tuyến thoát nước mưa từ khu dân cư Kim Oanh qua khu tái định cư Bình Sơn ra suối Ông Trữ tại xã Bình Sơn, huyện Long Thành (NST 50%, phần còn lại do Công ty CPĐTPT Thuận Lợi 50%)	LT	tối đa 4 năm	91.426		45.000			UBND huyện Long Thành
11	Dự án xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung liên xã Xuân Bảo - Bảo Bình, huyện Cẩm Mỹ	CM	Tối đa 3 năm	49.998		47.500			UBND huyện Cẩm Mỹ
12	Trạm bơm áp 5 xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú	TP	TP	41.923		38.000			UBND huyện Tân Phú
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				900.908	2.337.435	103.000		-
V.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				898.921	705.935	0		
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ)	ĐQ	2017-2022	243.000	62.515	90.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	ĐQ	2020-2023	454.601	287.148	160.000			UBND huyện Định Quán
3	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2021	131.018	105.427	20.000			UBND thành phố Long Khánh

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NS/TT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
4	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết với Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	2017-2021	373.172	266.159	83.700	0	-	-
	Trong đó:								
a	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa				208.789	66.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện				57.370	17.700			UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	35.714	12.815	21.000			UBND huyện Thống Nhất
6	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	75481; 49604	21.371	25.000			UBND huyện Định Quán
7	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	tối đa 3 năm	55.900	44.375	11.500			Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
8	Nạo vét Rạch mội xã Bình Hoà	VC	2019-2021	45.816	20.401	22.000			UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Dự án chống ngập ứng khu vực Suối Cài (Ngân sách thành phố Long Khánh chi bồi thường)	LK	tối đa 4 năm	544.659	24.592	121.000			UBND thành phố Long Khánh
10	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	tối đa 5 năm	29.094	10.000	17.000			Chi cục Kiểm lâm
11	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024	131.058	8.295	120.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
12	Nạo vét và gia cố kè bờ suối Quán Thù, huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	55.101	35.823	14.735			UBND huyện Long Thành
V.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025			11.800	1.987	1.631.500	103.000		

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án xây dựng 06 Nhà trạm kiểm lâm và 04 trạm kiểm soát rừng	VC	tối đa 3 năm	11.800	300	11.500			Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai
2	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm	107.070		100.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
3	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Máy, huyện Trảng Bom	TB	tối đa 3 năm	59.770		55.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
4	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 3 năm	55.030		50.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
5	Dự án Hồ Gia Ui 2, huyện Xuân Lộc	XL	2020-2024	332.900			3.000		UBND huyện Xuân Lộc
6	Dự án xây dựng mới đập dâng Long Anh, huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	44.550		40.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
7	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 5 năm	151.440	1.000	145.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Nạo vét Suối Sắn Máu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phương Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	tối đa 4 năm	377.000	687	375.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Kiến cổ hóa kênh mương Bà Ký (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhom Trạch (ngăn sách huyện Nhom Trạch thực hiện bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	207.624		150.000			UBND huyện Nhom Trạch
10	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án Nạo vét bờ trái tuyến rạch Cái Cầu (suối Xiếp) đoạn qua địa bàn tỉnh Đồng Nai thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thoát nước thị trấn Dĩ An và khu công nghiệp Tân Đông Hiệp tỉnh Bình Dương	BH	tối đa 3 năm	163.110		160.000			UBND thành phố Biên Hòa
11	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù Lao Phố), thành phố Biên Hòa	LT-NT	Tối đa 4 năm	350.788		100.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Tân Trạch, huyện Vĩnh Cửu NST100%	VC	Tối đa 4 năm	187.881		120.000	50.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
13	Gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Trạm xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp đến cầu An Hào phường An Bình thành phố Biên Hòa	BH	Tối đa 4 năm	201.643		135.000	50.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NS/TT	Đất	khết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
14	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, huyện Tân Phú	TP	Tối đa 4 năm	148.148		80.000			Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
15	Dự án Hệ thống thoát nước chống ngập xung quanh Trung tâm Văn hóa thể thao huyện Long Thành	L.T	Tối đa 4 năm	92.987		60.000			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
16	Dự án Kè gia cố bờ sông Đồng Nai, đoạn qua khu vực xã Tân An và Thiệu Tân (khu vực chùa Phở Đà và đình cong Tân An), huyện Vĩnh Cửu	L.T-NT	Tối đa 4 năm	273.250		50.000			UBND huyện Vĩnh Cửu
V	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				144.484	587.560	350.000		-
V.1	Dự án chuyển tiếp				144.484	468.560	0		
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018-2022	654.000	144.361	460.000			Công an tỉnh Đồng Nai
2	Nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình Công an tỉnh	BH	2021-2023	8.732	123	8.560			Công an tỉnh Đồng Nai
V.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025			43.027	-	119.000	350.000		
1	Nhà tạm giữ công an huyện Xuân Lộc (NST100%)	XL	tối đa 3 năm	36.000		33.000			Công an tỉnh Đồng Nai
2	Dự án triển khai các hệ thống bao gồm các giải pháp phần cứng, phần mềm đảm bảo an toàn thông tin phục vụ công tác điều hành, lãnh đạo trong công tác PCCC	BH	2021-2023	7.027		7.000			Công an tỉnh Đồng Nai
3	Xây dựng 05 kho vật chứng cho Công an tỉnh Đồng Nai (gồm các huyện Thống Nhất, Xuân Lộc, Cẩm Mỹ, thành phố Long Khánh và Phòng PC10)	DN	tối đa 3 năm	29.428		29.000			Công an tỉnh Đồng Nai
4	Dự án đầu tư trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho Công an tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2021- 2025	DN	tối đa 5 năm	988.000		50.000	350.000		Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Quốc phòng					30.000	0		-
VI.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021					30.000	0		
1	Dự án Quốc phòng DA2 (Dự án mật) (kế cả chi phí chuẩn bị đầu tư)		tối đa 5 năm	125.000	89.392	30.000			Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
VII	Khoa học công nghệ					81.700	0		-
VII.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021					81.700	0		

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước	BH	tối đa 3 năm	3500	1600	1700			Sở Tư Pháp
2	Trung tâm chiếu xạ Sờ khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)	CM	Tối đa 4 năm	187.635	46.000	80.000			Sở Khoa học và Công nghệ
VIII	Môi trường			174.784	3.673	369.488	180.000		
	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025								
1	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBĐT)	BH	2020-2023	73.641	1.153	72.488			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án Gia cố sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn áp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP	tối đa 5 năm	101143	2520	97.000			Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
3	Dự án nạo vét và kè 2 bờ suối Reo (kênh thoát nước 5 xã Kiệm Tân), huyện Thống Nhất	TN	tối đa 4 năm	299.854		100.000	100.000		UBND huyện Thống Nhất
4	Dự án chỉnh trang đô thị, xây kè bảo vệ nguồn nước đầu nguồn hồ Núi Le, huyện Xuân Lộc	XL	tối đa 4 năm	287.180		100.000	80.000		UBND huyện Xuân Lộc
IX	Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch (VB 2465/UBND-KT ngày 08/3/2019)				1.000	100.000			-
X	Bổ trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch (kể cả các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020)					200.000			-
XI	Hoàn trả vốn Bội chi năm 2018					76.137			Sở Tài chính
XI	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 còn lại (chưa phân bổ chi tiết)					547.672	5.151.800		-
	trong đó:								
1	Dự kiến phân bổ cho cấp nước sạch khi đủ hồ sơ						300.000		-
2	Dự kiến phân bổ cho nông nghiệp khi đủ hồ sơ					200.000	800.000		-
3	Dự kiến phân bổ cho Quốc phòng khi đủ hồ sơ						500.000		-
4	Dự kiến phân bổ cho khoa học công nghệ khi đủ hồ sơ						1.300.000		-
5	Dự kiến phân bổ cho môi trường khi đủ hồ sơ						700.000		-
6	Dự kiến phân bổ cho ngành văn hóa khi đủ hồ sơ					150.000	50.000		-

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
7	Dự kiến phân bổ cho ngành xã hội khi đủ hồ sơ					150.000	50.000		-
8	Dự kiến phân bổ cho công tác chuyển đổi số, đô thị thông minh ...khi đủ hồ sơ						1.000.000		-
9	Dự kiến phân bổ cho y tế khi đủ hồ sơ						300.000		-
	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 còn lại cho các lĩnh vực còn lại khi đủ hồ sơ					47.672	151.800		-
B	Các dự án được UBND tỉnh chấp thuận lập chủ trương đầu tư					40.932			Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với chuyên môn
1	Đường gom dân sinh cao tốc Tp.HCM-Long Thành-Dầu Giây (100% NST)	LT				100			
2	Nâng cấp đường Hương lộ 21 (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100			
3	Đường lò gạch Cầu Nước trong (đoạn từ QL.51 vào KCN Long Đức) (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100			
4	Đường Vũ Hồng Phô (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100			
5	Đường Bung Môn (nguồn đầu giá đất trên địa bàn huyện Long Thành)	LT				100			
6	Đường Long Phước - Phước Thái (NST)	LT				100			
7	Đường Phước Bình-Bàu Cạn-Cầm Đường (NST 100%)	LT				100			
8	Nâng cấp, mở rộng đường Bùi Văn Hòa (đoạn từ ngã tư Tam Hiệp đến nút giao tuyến tránh Quốc lộ 1, thành phố Biên Hòa)	BH				100			
9	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến cầu Ghiền	BH				100			
10	Dự án kè và đường ven sông Đồng Nai từ cầu Hóa An đến giáp tranh tỉnh Bình Dương	BH				100			

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	Trại tạm giam thuộc Công an tỉnh Đồng Nai (NST50%, BCA50%, BCA duyệt CTĐT)	BH				100			
12	Đường quan Hồ Núi Le (NST 100%)	XL				100			
13	Đường quanh núi Chứa Chan, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL				100			
14	Đường Trương Công Định, huyện Xuân Lộc, NST100%	XL				100			
15	Tuyến Quốc lộ 1 tránh nội ô thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK				100			
16	Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bàu Trâm (NST 100%)	LK				100			
17	Đường Ngô Quyền (đoạn từ đường Vành đai 2 đến cầu Đồng Háp)Nâng cấp, cải tạo đường Điều Xiển, xã Bàu Trâm (NST 100%)	LK				100			
18	Kiến cổ hóa bờ suối kết hợp công viên cây xanh dọc suối Rết, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK				100			
19	Đường song hành Quốc lộ 20 phía tây	TN				100			
20	Hệ thống thoát nước ngoài hàng rào cửa xã số 1 KCN Dầu Giây	TN				100			
21	Dự án Lát đá vỉa hè qua các khu dân cư dọc Quốc lộ 20, đoạn qua 5 xã Kiệm Tân (NST50%)	TN				100			
22	Dự án Đường N12, huyện Thống Nhất	TN				100			
23	Nâng cấp đường Bắc Sơn - Long Thành đoạn từ QL1 đến giao với đường Võ Nguyên Giáp, TP BH và huyện TB	LT- BH- TB				100			
24	Xây dựng mới tuyến đường ĐT 768B, TP BH và huyện Vĩnh Cửu	BH- VC				100			
25	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An đến cầu Ghềnh	BH				100			
26	Kè và đường ven sông Đồng Nai từ Cầu Hóa An giáp tỉnh Bình Dương (thuộc phường Hóa An và Tân Hạnh)	BH				100			

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
27	Hồ Chứa nước Thoại Hương (chuyển Chủ đầu tư)	CM	tối đa 3 năm			100			
28	Tuyến đường Quang Trung và tuyến Lê Đại Hành, huyện Vĩnh Cùu (100% NST)	VC				100			
29	Đường Vành đai thành phố Biên Hòa (đoạn từ giao Hương lộ 7 đến đoạn giao với ĐT.768), huyện Vĩnh Cùu NST100% (nguồn đất)	VC				100			
30	Hạ tầng Khu trung tâm xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cùu NST100%	VC				100			
31	Đường Ven hồ Trĩ An, huyện Vĩnh Cùu NST100%	VC				100			
32	Nạo vét và xây dựng bờ kè suối Láng Nguyễn, huyện Vĩnh Cùu NST100%					100			
33	Trạm bơm TaRua xã Suối Nhỏ, huyện Định Quán (100%NST)	BQ				100			
34	Trạm bơm Đồng Hiệp					100			
35	Hồ chứa nước Suối Đá, xã Núi Tượng					100			
36	Đường Vành đai Long Giao (giai đoạn I) (ngân sách huyện thực hiện BTGPMB), (thực hiện từ nguồn đầu giá trên địa bàn huyện)	CM				100			
37	Đường N1 huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM				100			
38	Hệ thống thoát nước Trung tâm hành chính huyện ra Suối Cà) (NST100%)	CM				100			
39	Đường liên xã Bắc Sơn - Bình Minh - Sông Trầu, huyện Trảng Bom (NST100%)	TB				100			
40	Cải tạo, chỉnh trang Trung tâm hành chính huyện và xây dựng Trụ sở Trung tâm hành chính công huyện Trảng Bom	TB				100			
41	Đường Hương Lộ 12 (Đường Bà Kỳ) (NST 100%)	LT				100			
42	Dự án đường 769E đoạn từ ranh Cảng HHKQT Kơng Thành đến Vành đai 4	LT				100			

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
43	Dự án tuyến đường Vành đai 4 đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường ĐT.769	TB-LT				100			
44	Dự án đường chuyên dùng Phước Bình	LT				100			
45	Đường Mã Vôi, xã Bảo Hòa, NST100%	XL				100			
46	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773	CM- XL				1.582			
47	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.772 (Trảng Bom - Xuân Lộc) (NST100%)	TB- XL				1.691			
48	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769	TN- CM- LT				1.252			
49	Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B	TP- ĐQ- XL				1.907			
	Một số dự án khác theo chủ trương của UBND tỉnh và các dự án đầu tư theo hình thức PPP (kể cả các dự án thiếu nguồn vốn lập chủ trương đầu tư)					30.000			
C	Hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách cấp huyện					1.097.946	0		-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn					201.116	0		-
1	Mương thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh – Giang Điền, huyện Trảng Bom (tối đa 20 tỷ)	TB			10.161	9.839			UBND huyện Trảng Bom
2	Xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (tối đa 35,4 tỷ)	CM			30000	5.400			UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Dự án đường từ xã Đắc Lúa đi huyện Đăng Hà, tỉnh Bình Phước	TP			30.000	48.400			UBND huyện Tân Phú
4	Nâng cấp, mở rộng đường be 129, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú	TP				49.000			UBND huyện Tân Phú
5	Nâng cấp sửa chữa đường 118	ĐQ				47.000			UBND huyện Định Quán
6	Nâng cấp sửa chữa đường cầu Trắng	ĐQ				41.000			UBND huyện Định Quán
7	Dự án Cẩn cú hậu cần kỹ thuật kết hợp thao trường huấn luyện					477			UBND huyện Vĩnh Cửu

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025			Chủ đầu tư
						NSTT	Đất	kết dư 2016-2020	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)					896.830			-
D	Hỗ trợ các dự án XHHGTNT					500.000			-



PHỤ LỤC III
BIỂU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN XÔ SÓ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số				1.209.323	4.389.000	168.352	-
A	Thực hiện dự án				1.164.623	2.225.454	168.352	-
I	Y tế, dân số và gia đình				609.313	489.038	0	-
I.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				607.263	323.138	0	
1	Khởi đầu trị bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	600.000	297.827	240.000		Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
2	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2021	11.940	2.285	4.800		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	11.597	2.600	3.900		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	16.443	2.300	7.850		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	15.246	7.791	768		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	28.271	10.000	16.320		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án xây dựng khu khám và thẩm mỹ Bệnh viện Da liễu Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	30.841	19.000	10.000		Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
8	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	30.648	12.000	16.500		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Cải tạo, nâng cấp, làm mới một số hạng mục đã xuống cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	14.591	500	13.000		Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
10	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	XL	2018-2022	300.000	252.960	10.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
I.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025			188.263	2.050	165.900		

STT	Danh mục dự án	ĐDDX	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Trạm Y tế xã Phú Trung - huyện Tân Phú	TP	Tối đa 3 năm	14.687	200	9.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	Tối đa 3 năm	13.009	300	8.500		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bình Hòa - huyện Vĩnh Cửu	VC	Tối đa 3 năm	9.630		9.400		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phước Tân - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.291	250	9.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	BH	Tối đa 3 năm	8.544	300	6.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	7.566	300	7.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Trạm Y tế xã An Hòa - Tp. Biên Hòa	BH	Tối đa 3 năm	9.688	400	9.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Xây mới Khối 2 tầng Trung tâm y tế huyện Long Thành	LT	tối đa 3 năm	12.611	100	10.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm y tế huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 3 năm	10.790	100	10.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 5 năm	92.447	100	75.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
11	Dự án Nâng cấp, sửa chữa hệ thống sân đường, hàng rào, mương thoát nước, vỉa hè Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	13.380		13.000		Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
II	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				181.445	814.400		-
II.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				180.645	16.600		
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2021	139.015	127.117	8.500		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, mương thoát nước và sân khu dạy học trường Đại học Đồng Nai	BH	2020-2022	10.528	3.950	6.200		Trường Đại học Đồng Nai
3	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2022	23.662	17.987	900		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ	CM	2016-2021	52.093	31.591	1.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
II.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1.058.065	800	797.800		
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Cao đẳng công nghệ cao (NST100%)	LT	tối đa 3 năm	12.995	400	12.000		Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
2	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai)	BH	tối đa 3 năm	36.360	400	35.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở III tại thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 3 năm	11.130		6.800		Trường Đại học Đồng Nai
4	Dự án sửa chữa, cải tạo một số công trình Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở 1	BH	tối đa 3 năm	9.112		9.000		Trường Đại học Đồng Nai
5	Dự án cải tạo, làm mới một số hạng mục Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai (cơ sở 2)	NT	tối đa 3 năm	14.900		14.500		Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
6	Dự án đầu tư xây dựng mới khối lớp học 03 tầng của Trường cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai	LT	tối đa 3 năm	14.983		14.500		Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
7	Dự án cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn quốc gia	TB	tối đa 4 năm	152.062		150.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Xây dựng mới trường THPT Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	170.514		156.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án đầu tư trường học tiên tiến hiện đại giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai		tối đa 4 năm	636.009		400.000		Sở Giáo dục và Đào tạo
III	Văn hóa				170.538	134.000		-
III.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				170.038	110.000		
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	2018-2022	146.000	49.544	31.600		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

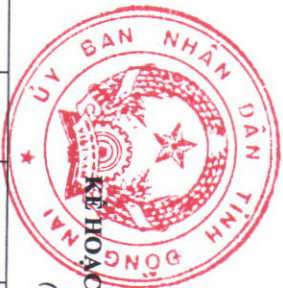
S T T	Danh mục dự án	ĐDD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
2	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2021	73.000	37.600	20.000		UBND thành phố Long Khánh
3	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK	2017-2021	62.976	37.093	2.000		UBND thành phố Long Khánh
4	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	2.869	1.000	1.500		UBND huyện Tân Phú
5	Dự án Trung tâm tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	TP	2019-2021	19025	9.000	8.900		UBND huyện Tân Phú
6	Xây dựng hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao của người dân xung quanh Sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	11.265	4.900	6.100		Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
7	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000KVA tại Sân vận động tỉnh hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao	BH	2020-2022	12.795	5.000	6.400		Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
8	Dự án đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (NST tối đa 25 tỷ đồng, phần còn lại thuộc nguồn vốn của Đài)	BH	2020-2022	35.000		25.000		Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai
9	Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục còn lại của Trung tâm văn hóa thể thao huyện Tân Phú (tên cũ là Khu văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú, NST đầu tư xây lắp + thiết bị, phần còn lại ngân sách huyện Tân Phú (mặt sân, hàng rào quanh sân, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...))	TP	2018-2022	49.860	25.901	8.500		UBND huyện Tân Phú
III.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025			1.766.377	500	24.000		
1	Sửa chữa cải tạo sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	11.769	500	10.500		Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
2	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà hát nghệ thuật Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	14.940	-	13.500		Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
IV	Xã hội			15.000	1.000	159.500	0	
IV.1	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025				1.000	159.500	0	

STT	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình	TP	Tối đa 3 năm	15.000	500	14.500		UBND huyện Tân Phú
2	Di dời, bố trí ổn định dân cư khu vực Đồng 4, ấp 5, xã Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	VC		149.274	500	145.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
V	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				16.213	69.850		-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				16.213	69.850		-
1	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	tối đa 03 năm	15.639	9.200	6.400		Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
2	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cài (Ngân sách thành phố chi bồi thường 55,4 tỷ)	LK	tối đa 4 năm	544.659		50.000		UBND thành phố Long Khánh
3	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020	DN	2019-2021	27.795	7.013	13.450		Chi cục Kiểm lâm
VI	Giao thông				127.470	410.666	168.352	-
VI.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				127.470	279.018	0	-
1	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL	tối đa 03 năm	45.698	30.370	11.500		UBND huyện Xuân Lộc
2	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (NST 50% + NSH 50%)	LK	tối đa 03 năm	55.991	14.200	10.000		UBND thành phố Long Khánh
3	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Càng, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	ĐQ	tối đa 05 năm	297.932	51.600	202.500		-
	Trong đó:							
a	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Càng, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					88.500		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh

STT	Danh mục dự án	ĐDDX	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
b	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường					114.000		UBND huyện Định Quán
4	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường so huyện Định Quán thực hiện)	TP+ĐQ	tối đa 05 năm	114.660	31.300	55.018		-
	Trong đó							
a	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện					31.599		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường					23.419		UBND huyện Định Quán
VII.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025				0	131.648	168.352	
1	Dự án tuyến đường kết nối vào Cảng Phước An (đoạn từ nút giao với tuyến đường 319 đến nút giao với tuyến cao tốc Bến Lức - Long Thành), huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	355.998		131.648	168.352	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
VII	Quốc phòng				44.644	70.000		
VII.1	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				44.644	45.000		
1	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 05 năm	91.092	44.644	45.000		UBND huyện Định Quán
VII.2	Khởi công mới giai đoạn 2021-2025				0	25.000	0	
1	Dự án đầu tư trang thiết bị kiểm soát, khống chế thiết bị bay không người lái trong đảm bảo an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	TB	tối đa 3 năm	25.930		25.000		Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh
VIII	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				14.000	28.000		
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021				14.000	28.000		

STT	Danh mục dự án	ĐBXD	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lấy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Dự án xây dựng văn phòng ổn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	48.292	14.000	28.000		Sở Giao thông Vận tải
IX	Bổ trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội (kể các các dự án thuộc giai đoạn 2016-2020)					50.000		-
X	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 còn lại (chưa phân bổ chi tiết)					1.189.046		-
	Trong đó:							
1	Dự kiến phân bổ cho y tế khi đủ hồ sơ					589.046		-
2	Dự kiến phân bổ cho ngành giáo dục khi đủ hồ sơ					200.000		-
3	Dự kiến phân bổ cho ngành văn hóa khi đủ hồ sơ					200.000		-
4	Dự kiến phân bổ cho ngành xã hội khi đủ hồ sơ					200.000		-
B	Lập chủ trương đầu tư và chuẩn bị đầu tư				0	12.500		Cơ quan nhà nước có thẩm quyền phù hợp với chuyên môn
1	Dự án nhà thi đấu đa năng kết hợp quảng trường thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800		
2	Trung tâm Hành chính công thành phố Long Khánh (BTGPMB từ nguồn vốn thành phố Long Khánh)	LK				800		
3	Trung tâm y tế huyện Nhơn Trạch	NT				100		
4	Trung tâm y tế thành phố Biên Hòa	BH				100		
5	Dự án xây dựng bệnh viện đa chiến đáp ứng cách ly, điều trị bệnh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	XL				100		
6	Xây dựng tượng đài Thanh niên xung phong	TB				100		
7	Cải tạo nâng cấp hoàn chỉnh Trường phổ thông dân tộc nội trú tỉnh đạt chuẩn Quốc Gia	XL				100		
9	Trùng tu, tôn tạo di tích mộ Đoàn Văn Cự và 16 nghĩa binh Thiên địa hội, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa	BH				100		

S T T	Danh mục dự án	ĐDDX	Tiến độ thực hiện	Tổng mức vốn đầu tư	Lũy kế đến 2020	Kế hoạch 2021-2025		Chủ đầu tư
						XSKT	kết dư 2016-2020	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Xây dựng nhà bia tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ Trung đoàn 4	XL				100		
11	Tu tạo Đền thờ Quốc tổ Hùng Vương tại xã Phú Sơn (NST+ XHH)	TP				100		
12	Nhà thi đấu đa năng, huyện Cẩm Mỹ (NST100%)	CM				100		
C	Các dự án khác (khi có chủ trương của UBND tỉnh)					10.000		-
I	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện					462.000		-
I	Các dự án đã có ý kiến về nguồn vốn					304.800		-
1	Xây dựng trường mầm non Sông Ray	CM			15.000	16.500		UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Dự án Xây dựng trường tiểu học – THCS Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	VC				38.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
3	Đường 30 tháng 4 huyện Trảng Bom	TB			30.000	18.000		UBND huyện Trảng Bom
4	Dự án Trường THCS Nguyễn Thị Minh Khai huyện Định Quán	ĐQ				57.500		UBND huyện Định Quán
5	Trường tiểu học Long Thọ 2, huyện Nhơn Trạch					42.000		UBND huyện Nhơn Trạch
6	Trường tiểu học THCS Long Thọ 2, huyện Nhơn Trạch					47.000		UBND huyện Nhơn Trạch
7	Trường tiểu học Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu					45.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
8	Xây dựng trường mầm non Hòa Mi, huyện Cẩm Mỹ					11.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
9	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 3 Lầm San - Quảng Thành, huyện Cẩm Mỹ					29.800		UBND huyện Cẩm Mỹ
II	Các dự án còn lại (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)					157.200		-
D	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa					500.000		-



Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lấy kế giải ngân đến hết 31/01/2021		Kế hoạch 2021-2025	
							TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng số						34.246.552	27.599.244	18.802.133	18.343.109	7.835.420	7.377.327	15.142.850	9.251.900
A	Dự án quan trọng quốc gia, dự án trọng điểm có tính chất lan tỏa						22.856.000	22.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.663.000	4.663.000
A.1	Nguồn vốn phân bổ cho dự án quan trọng quốc gia						22.856.000	22.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.660.000	4.660.000
I	Giao thông						22.856.000	22.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.660.000	4.660.000
	Chuyển tiếp													
	Dự án quan trọng quốc gia													
(1)	Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư Cảng hàng không quốc tế Long Thành	7739029, ...	Tỉnh Đồng Nai	Diện tích của Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành (5.000 ha) và diện tích đất xây dựng các khu tái định cư tập trung, diện tích các công trình phục vụ tái định cư	2018 - 2021	1487/QĐ-TTg ngày 06/11/2018	22.856.000	22.856.000	18.195.035	18.195.035	7.256.201	7.256.201	4.660.000	4.660.000
A.2	Bầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển KT-XH nhanh, bền vững						4.001.000	2.000.000	0	0	0	0	4.001.000	2.000.000
I	Giao thông						0	0	0	0	0	0	0	0
I.1	Phân bổ chi tiết						0	0	0	0	0	0	3.000	3.000
	Chuẩn bị đầu tư												3.000	3.000
	Nhóm A													
(1)	Dự án Đường liên cảng huyện Nhơn Trạch giai đoạn 1		Nhơn Trạch		2021 - 2025								3.000	3.000
I.2	Dự phòng chưa phân bổ						4.001.000	2.000.000	0	0	0	0	3.998.000	1.997.000

[illegible]

[illegible]

TT	Danh mục dự án	Mã QHNS	Địa điểm XD	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Lũy kế giải ngân đến hết 31/01/2021		Kế hoạch 2021-2025	
						Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	
(1)	Dự án trung tâm công tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai	7615404	Biên Hòa	Xây dựng khối nhà hành chính (03 tầng), các khối nhà chức năng (1-2 tầng) và công trình phụ trợ	2020 - 2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.952	45.000	15.000	12.800	1.269		32.200	32.200	
B2	Dự phòng chưa phân bổ						350.788	235.550	0	0	0	0	346.950	249.000	
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						350.788	235.550	0	0	0	0	333.500	235.550	
	Khởi công mới														
	Nhóm B														
(1)	Dự án Kè chống sạt lở bờ sông Đồng Nai (đoạn từ cầu Rạch Cát đến cầu Ghềnh phía Cù lao Phố), thành phố Biên Hòa		Biên Hòa	Chiều dài 1.885km. Kè bê tông cốt thép	2021 - 2024	21/NQ-HĐND ngày 30/7/2021	350.788	235.550					333.500	235.550	
II	Giao thông						0	0	0	0	0	0	13.450	13.450	
	Khởi công mới														
	Nhóm B														
(4)	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu)		Biên Hòa	Chiều dài 5,358km gồm đường và 01 cầu. Trong đó: 90m đường mặt cắt ngang rộng 95m; 2,97km đường mặt cắt ngang rộng 60m, cầu dài 528m rộng 31m	2020 - 2024	05/NQ-HĐND ngày 20/3/2020; 1580/QĐ-UBND ngày 13/5/2021, 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021							13.450	13.450	



Phụ lục V

(Kèm theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
Quyết định đầu tư													Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2020						Kế hoạch năm 2020						KH đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025		Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
TT	Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày thực hiện Hiệp định	Số quyết định	TMDT												Trong đó:						Trong đó:						Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Tình hình bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó:			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)	Tổng số		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
							Tổng số	Trong đó: vốn NSTW				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại	Tổng số		Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước	Tổng số	Trong đó: thu hồi các khoản vốn ứng trước																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								



Phụ lục VI

BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐỐI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN CẤP ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 4533/QĐ-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Phân bổ nguồn vốn đầu tư công cấp huyện giai đoạn 2021-2025 (nguồn NSTT và XSKT)						Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung	Nguồn vốn kết dư NST hỗ trợ XHH GTNT các năm trước	Nguồn vốn xã số kiến thiết	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh		Năm 2021	Giai đoạn 2022-2025	
						Tổng số	Dự án mới			Dự án chuyển tiếp
1	2	3=4+5+6+7	4	5	6	7	7.1	7.2	8	9
	Tổng số	11.960.678	7.319.640	1.092	3.080.000	1.559.946	1.256.499	303.447	1.200.000	3.300.000
1	Thành phố Biên Hoà	1.454.299	969.002		407.742	77.555	75.555	2.000	373.200	Căn cứ tình hình thực tế của địa phương để xây dựng cho phù hợp.
2	Thành phố Long Khánh	991.660	603.670		254.016	133.974	133.974		51.000	
3	Huyện Nhơn Trạch	881.129	581.849	146	244.834	54.300	54.300		142.200	
4	Huyện Long Thành	919.797	590.799		248.600	80.398	80.398		301.200	
5	Huyện Trảng Bom	941.372	581.850		244.834	114.688	86.849	27.839	157.200	
6	Huyện Cẩm Mỹ	1.050.672	609.820		256.604	184.248	132.548	51.700	16.200	
7	Huyện Xuân Lộc	1.088.443	671.815		282.690	133.938	133.938		19.800	
8	Huyện Tân Phú	1.355.117	766.543		322.550	266.024	155.324	110.700	12.000	
9	Huyện Định Quán	1.229.363	722.230		303.904	203.229	145.729	57.500	39.000	
10	Huyện Thống Nhất	945.921	576.254	946	242.479	126.242	126.242		28.200	
11	Huyện Vĩnh Cửu	1.102.905	645.808		271.747	185.350	131.642	53.708	60.000	

Ghi chú: Đối với nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh, chỉ thực hiện phân bổ cho dự án cụ thể khi đủ điều kiện về hồ sơ, gồm:

+ Ý kiến chấp thuận của UBND tỉnh về phân bổ vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ cho dự án theo Điều 33 Luật Đầu tư công (cụ thể với số tiền, thời gian hỗ trợ).

+ Dự án đã được cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư.